

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 10/01/2023

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và bà Trần Thị Lệ Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 220/2022/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Vũ Văn H – sinh năm 1975.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 4, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Hiện tạm trú tại: Số nhà 534 T, Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Phan Thị G – sinh năm 1974.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 4, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Hiện trú tại: Xóm 5, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị G vắng mặt lần 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là anh Vũ Văn H trình bày: Anh và chị Phan Thị G sau khoảng nửa năm tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 1 năm 1997 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng tám năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống, mặt khác do điều kiện công việc làm ăn kinh tế của hai vợ chồng gặp nhiều khó khăn nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Thực tế vợ chồng anh chị đã sống ly thân 10 năm nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không tiếp tục

sống chung được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị G để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị G có ba con chung cháu Vũ Thị L, sinh ngày 02/09/1997, cháu Vũ Thị N, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2000 và cháu Vũ Thị Ngọc H1, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2004. Hiện hai cháu L và N đã trưởng thành tự lập được cuộc sống. Đối với cháu H1 chưa đủ 18 tuổi nên anh nhận nuôi dưỡng và không yêu cầu chị G có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung. Tuy nhiên tại biên bản tiếp cận công khai chứng cứ ngày 01 tháng 12 năm 2022 thời điểm đó thì cháu H1 đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống, do vậy về vấn đề giao con con sau khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung : Anh và chị G không có tài sản chung và công nợ nên nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 04 tháng 11 năm 2022 bị đơn là chị Phan Thị G trình bày: Chị và anh H có đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 1 năm 1997 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh H phạm tội hình sự buôn tiền giả phải đi tù. Sau khi chấp hành án phạt tù về anh H đã không về tu trí làm ăn mà đi khỏi địa phương, bỏ vợ con không quan tâm đến gia đình con cái dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau nhiều lần và mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục được. Do anh H bỏ đi khỏi địa phương nên anh chị đã sống ly thân nhau 9 năm nay và không quan tâm, liên lạc với nhau nữa. Nay anh H có đơn xin ly hôn chị không đồng ý, việc này do anh H tự quyết định và ly hôn đơn phương.

Về con chung: Chị và anh H ba con chung cháu Vũ Thị L, sinh ngày 02/09/1997, cháu Vũ Thị N, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2000 và cháu Vũ Thị Ngọc H1, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2004. Hiện hai cháu L và N đã trưởng thành tự lập được cuộc sống. Đối với cháu H1 chưa đủ 18 tuổi nên chị cũng nhận nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung và công nợ do vậy nay nếu ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Con chung của anh chị là cháu Vũ Thị Ngọc H1, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2004 thuộc trường hợp phải lấy ý kiến nguyện vọng của con, tại bản tự khai **ngày 14 tháng 10 năm 2022** cháu H1 trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn H ly hôn chị Phan Thị G.
- Án phí: Anh Vũ Văn H nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Văn H có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Phan Thị G có nơi cư trú tại: Xóm 5, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là chị Phan Thị G, chị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn H và chị Phan Thị G có đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 1 năm 1997 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị G là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống tại xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Cả anh H và chị G đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do rất nhiều nguyên nhân. Thực tế anh chị cũng đã sống ly thân nhau tám năm nay và không quan tâm liên lạc với nhau nữa. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án chị G biết việc anh H ly hôn anh mặc dù chị G có lời khai thể hiện quan điểm của mình là không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên các thủ tục sau đó chị G đã bỏ mặc như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa chị G vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện chị G không thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, gây khó khăn cho việc Tòa án hòa giải để vợ chồng anh chị về đoàn tụ. Như vậy hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa và đã rơi vào tình trạng trầm trọng.

Biên bản xác minh tại chính quyền cơ sở tại địa phương thể hiện: Anh Vũ Văn H và chị Phan Thị G có Đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình vào năm 1997. Sau khi kết hôn anh chị chuyển về xã Đ làm ăn sinh sống và quá trình anh chị chung sống không biết nguyên nhân mâu thuẫn do đâu nhưng khoảng 9 năm nay chị G đã về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị G là ông bà L1, Y ở xóm 5, xã T. Từ đó đến nay chị G không về với anh H nữa, anh chị mỗi người ở một nơi và không liên quan đến cuộc sống của nhau nữa. Do chị G và anh H đã sống ly thân nhiều năm nên nay nên anh H có đơn xin ly hôn chị G đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị G không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau khoảng 9 năm và hiện nay mỗi người một nơi, cả hai không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Anh H và chị G có ba con chung cháu Vũ Thị L, sinh ngày 02/09/1997, cháu Vũ Thị N, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2000 và cháu Vũ Thị Ngọc H1, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2004. Tại thời điểm anh H nộp đơn khởi kiện cháu H1 chưa đủ 18 tuổi, cả anh H và chị G đều có nguyện vọng được nuôi cháu H1 khi vợ chồng ly hôn. Tuy nhiên tại thời điểm xét xử vụ án cháu Vũ Thị Ngọc H1 đã trưởng thành đủ 18 tuổi. Như vậy cả ba con chung của anh H, chị G đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Vũ Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vũ Văn H và chị Phan Thị G

3. Về án phí: Anh Vũ Văn H phải nộp 300.000 đồng ( *Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004672 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã T, huyện K,
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Thị Khanh**